

Bản án số: 16/2024/DS-ST

Ngày: 22 – 02 - 2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Lợi

Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 11/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Kiều Thị Kim T**, sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Phạm Quang H, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T.

Tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 14/6/2023.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn H, sinh năm: 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2023, biên bản hòa giải ngày 21/12/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang H trình bày:

Bà Kiều Thị Kim T là hụi viên có trực tiếp tham gia chơi trong 02 dây hụi, hụi tháng do bà Nguyễn Thị M làm chủ hụi. Việc chơi hụi, đóng tiền hụi sống, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không có lập thành văn bản ký xác nhận, hình thức chơi hụi ai bỏ thăm cao thì được hốt, chủ hụi có hưởng huê hồng. 02 dây hụi bà T chơi,

bà T chưa hót thì 02 dây hụi nêu trên chủ hụi là bà M tự ý đơn phương chấm dứt việc chơi hụi. Cụ thể 02 dây hụi nguyên đơn bà T tham gia chơi như sau:

- **Dây hụi thứ 1:** Khai ngày 15/01/2022 âm lịch, có mệnh giá 3.000.000 đồng, dây hụi có 24 phần, bà T chơi 01 phần. Dây hụi này bà T đóng được 14 lần hụi sống số tiền là 42.000.000 đồng.

- **Dây hụi thứ 2:** Khai ngày 10/11/2022 âm lịch, có mệnh giá 2.000.000 đồng, dây hụi có 25 phần, bà T chơi 01 phần. Dây hụi này bà T đóng được 07 lần hụi sống số tiền là 14.000.000 đồng.

Từ lúc ngưng hụi đến nay, bà M chưa có trả tiền hụi cho bà T. Tổng số tiền hụi còn nợ bà T chưa trả là 56.000.000 đồng.

Bà Kiều Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H phải liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ hụi là 56.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 21/02/2024.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/12/2023 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà thừa nhận bà có tổ chức rất nhiều dây hụi do bà làm chủ, bà Kiều Thị Kim T có tham gia chơi 02 dây hụi đúng như đơn khởi kiện và trình bày. Tuy nhiên, số tiền hụi sống của 02 dây hụi mà phía nguyên đơn tham gia chơi, trình bày và khởi kiện yêu cầu là chưa đúng thực tế số tiền hụi sống đã đóng. Cụ thể: Dây hụi thứ nhất, khai ngày 15/01/2022 âm lịch, có mệnh giá 3.000.000 đồng bà Thủy đóng được hụi sống số tiền là 24.570.000 đồng. Dây hụi thứ 2, khai ngày 10/11/2022 âm lịch, có mệnh giá 2.000.000 đồng bà T đóng được 07 lần hụi sống số tiền là 9.900.000 đồng. Tổng cộng 02 dây hụi, bà T đóng được hụi sống số tiền là 34.470.000 đồng. Số tiền nợ hụi này bà đồng ý trả dần cho nguyên đơn hằng tháng là 1.000.000 đồng. Việc bà làm chủ hụi, chồng bà là ông Nguyễn Văn H có biết. Tuy nhiên khi bẻ hụi, ông H cự cãi với bà và bỏ đi làm không về nhà. Vợ chồng bà sống chung có với nhau 04 con chung và đã ly hôn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đều vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 21/02/2024, ông Nguyễn Văn H người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông H vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H, ông H là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Kiều Thị Kim T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mười, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H phải liên đới trả số tiền nợ góp hụi số tiền 56.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án thể hiện tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/12/2023, bị đơn bà M hoàn toàn thừa nhận, bà là chủ hụi, bà T là hụi viên có tham gia chơi 02 phần trong 02 dây hụi đã nêu trên nên Hội đồng xét xử công nhận, nguyên đơn bà T không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, số tiền hụi sống bà T đã đóng thực tế và khởi kiện của 02 dây hụi nêu trên là 56.000.000 đồng, bà M không thừa nhận và không đồng ý trả số tiền này; cho rằng nguyên đơn bà T đóng được số tiền hụi sống của 02 dây hụi nêu trên là 34.470.000 đồng và đồng ý, chấp nhận trả số tiền này cho bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chơi hụi, đóng tiền hụi sống giữa các bên không có lập thành văn bản, giấy tờ, biên nhận thể hiện. Nguyên đơn bà T không có chứng cứ nào chứng minh số tiền hụi sống đã đóng cho bà M như đơn khởi kiện trình bày và yêu cầu. 02 dây hụi đều bị bể nửa chừng, chưa hoàn thành giao dịch (Chưa mãn hụi) nên các bên phải hoàn trả cho nhau số tiền đã nhận (Tiền hụi sống thực tế bà T đã đóng cho bà M) theo sự thừa nhận của bị đơn bà M là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà M, ông H phải có nghĩa vụ trả số tiền góp hụi 56.000.000 đồng là chưa có căn cứ, phù hợp hoàn toàn. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T theo sự thừa nhận của bị đơn bà M số tiền hụi là 34.470.000 đồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 15, 18, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường.

[2] Bà Kiều Thị Kim T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ hụi nêu trên. Đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[3] Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà M xin trả dần số tiền nợ nêu trên hàng tháng là 1.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn bà T chấp nhận và pháp luật cũng không quy định cho trả dần, đây là giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Bà Kiều Thị Kim T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn bà Nguyễn Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H cùng liên đới trả số tiền nợ hụi 34.470.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 133/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, thì ông H và bà M đã ly hôn. Tuy nhiên, các dây hụi bà M làm chủ là vào thời gian năm 2022, thời gian bề hụi là vào ngày 15/02/2023 âm lịch. Số tiền nợ hụi này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà M và ông H, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 16/5/1986, số giấy công nhận kết hôn 53, quyền số 01 (Bút lục số 42), có với nhau 04 người con chung. Bà M khai bà làm chủ hụi ông H có biết và mục đích làm chủ hụi hưởng huê hồng là để kiếm tiền lo cuộc sống gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, ông H không có ý kiến phản hồi đối với số tiền nợ hụi nguyên đơn bà T khởi kiện nên xem như ông H đã mặc nhiên thừa nhận. Do đó, xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà M, ông Hồng

lúc còn chung sống. Bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà M và ông H cùng liên đới trả tiền nợ hui 34.470.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong đó: phần bà M có nghĩa vụ phải trả là 17.235.000 đồng, phần ông H có nghĩa vụ phải trả là 17.235.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T chỉ được chấp nhận 01 phần nên bà T phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án như sau:

$56.000.000 \text{ đồng} - 34.470.000 \text{ đồng} = 21.530.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.076.500 \text{ đồng}$ (Một triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

- Bà M và ông H (*Ông H không có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí*) phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể như sau:

- Bà M phải chịu $17.235.000 \text{ đồng} \times 5\% = 861.800 \text{ đồng}$.

- Ông H phải chịu $17.235.000 \text{ đồng} \times 5\% = 861.800 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 15, 18, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường; khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị Kim T đòi bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H trả tiền nợ góp hui.

2. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Kiều Thị Kim T số tiền nợ góp hui là 34.470.000 đồng (Ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy chục nghìn đồng). Trong đó:

- Phần bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ phải trả là 17.235.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Phần ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ phải trả là 17.235.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

3. Ghi nhận bà Kiều Thị Kim T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền hui nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu số tiền án phí là 861.800 đồng (Tám trăm sáu mươi một nghìn tám trăm đồng).

Bà Kiều Thị Kim T phải chịu 1.076.500 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000507 ngày 02/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Bà T được hoàn trả lại 323.500 đồng (Ba trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị đơn có mặt tại phiên Tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương